

Bản án số: 757/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2020

V/v “tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai
2. Ông Phan Lê Huy Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1987, địa chỉ thường trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 341 Đường K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Trần Duy Q, sinh năm 1984, địa chỉ thường trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H, Cục C – Bộ Công an (*ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày: Bà và ông Trần Duy Q chung sống và kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C. Hai bên chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Q không lo làm ăn, thường xuyên nhậu say về kiếm chuyện chửi bới vợ con. Ngoài ra, ông Q còn có xu hướng bạo lực gia đình, nhiều lần đánh bà. Sau khi bà sinh con, ông Q vẫn không thay đổi. Đến năm 2013, do không chịu đựng được nữa nên bà bỏ về nhà mẹ ruột sống, hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Sau đó, ông

Q vi phạm pháp luật, bị xử phạt 8 năm tù và hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam H, địa chỉ xã T, huyện H, tỉnh L. Nay bà không còn tình cảm gì với ông Q nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 01/10/2011. Con chung đang sống với bà S. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S khai không có.

Bị đơn, ông Trần Duy Q trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2020 (tại trại giam H): Ông và bà Nguyễn Thị Hồng S kết hôn vào năm 2010 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông không lo làm ăn, nhậu nhẹt rồi có hành vi vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam H. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà S, ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông Q xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 01/10/2011 hiện đang sống với bà S. Khi ly hôn, ông Q đồng ý để bà S trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ông Q cũng có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống và lo nuôi dạy con.

Bị đơn, ông Trần Duy Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn của bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Trần Duy Q thì quan hệ hôn nhân của bà S và ông Q là hợp pháp. Nhận thấy quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông Q không chịu làm ăn, bạo lực gia đình, vợ chồng ly thân từ năm 2013, quan hệ hôn nhân không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Q đang chấp hành án tại Trại giam H, tỉnh Long An và có bản khai cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S. Về con chung: có 01 con chung là trẻ Trần Hạo N – sinh ngày 01/10/2011. Bà S và ông Q đồng ý giao trẻ N cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, trẻ N cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà S và ghi nhận ý kiến của bà S về việc không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S, giao trẻ

Nhiên cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận ý kiến của bà S không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng S nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Trần Duy Q. Ông Q có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H cục C – Bộ Công an nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng S: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 1/2010 ngày 24/6/2010 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Trần Duy Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo trình bày của bà S thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Q không lo làm ăn, thường xuyên nhậu say, chửi mắng và đánh vợ. Ngoài ra, ông Q còn có hành vi vi phạm pháp luật, bị kết án tù. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2017. Bà S khai đã nhiều lần cho ông Q cơ hội nhưng ông Q không chịu sửa đổi bản thân để làm người lương thiện, hiện bà không còn tình cảm với ông Q. Ông Q xác nhận mâu thuẫn gia đình xuất phát từ phía ông như trình bày của bà S và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống, ông Q thiếu quan tâm chăm sóc vợ con, có hành vi bạo lực gia đình, không có sự yêu thương, tôn trọng đối với vợ và còn vi phạm pháp luật, bị bắt từ năm 2017, hiện đang phải chấp hành bản án 08 năm tù giam về tội “mua bán trái phép chất ma túy” (theo công văn số 1418/TGTH ngày 01/7/2020 của Trại giam H, Cục C – Bộ Công an). Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Q cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà S và ông Q có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 01/10/2011. Con chung đang sống với bà S. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ N hiện đang do bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ổn định nơi ở và học tập. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 27/5/2020, trẻ N có nguyện vọng

được tiếp tục sống với mẹ. Ông Q cũng đồng ý giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà S là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con nên được chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Q do bà S không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của bà S là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cân trừ toàn bộ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016233 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng S:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn với ông Trần Duy Q.

- Về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 01/10/2011.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Duy Q do bà Nguyễn Thị Hồng S không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Trần Duy Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Do bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cân trừ toàn bộ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Hồng S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016233 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Duy Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- UBND Phường , Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy